TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PL** **TỈNH BL**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 30/12/2022
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Chiểu
2. Ông Trần Văn Phước

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL: Bà Đoàn Vũ Loan - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 324/2022/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 283/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Đ, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp Mỹ Tường 1, xã Hưng Phú, huyện PL, tỉnh BL
- Bị đơn: Anh Phạm Văn L, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp Mỹ Tường 1, xã Hưng Phú, huyện PL, tỉnh BL

(Chị Trần Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Phạm Văn L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Trần Thị Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Đ và anh Phạm Văn L kết hôn với nhau vào năm 2005, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đã được UBND xã Hưng Phú cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 29/12/2005. Trong thời gian gần đây cuộc sống vợ chồng giữa chị Đ và anh L

xảy ra nhiều mâu thuẫn, không hiểu nhau, không thông cảm cho nhau. Hiện nay, chị Đ nhận thấy đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Phạm Văn L

- *Về con chung*: Có 02 người con chung là Phạm Quốc Th, sinh ngày 31/03/2012 và Phạm Thị Lệ Tr, sinh ngày 15/02/2007. Hiện nay cả 02 người con đang sống với chị Đ. Khi ly hôn chị Đ yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng: Bị đơn anh Phạm Văn L đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo về việc thu thập tài liệu, chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh L vẫn không có mặt và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL phát biểu ý kiến***:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán; Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Đ và anh Phạm Văn L có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân giữa chị Đ và anh L là hợp pháp. Quá trình sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ, cho chị Đ ly hôn với anh L;

+ Về con chung: Giao con chung tên Phạm Quốc Th, sinh ngày 31/03/2012 và Phạm Thị Lệ Tr, sinh ngày 15/02/2007 cho chị Trần Thị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn anh L có, quyền và nghĩa vụ thăm mon con chung không ai được quyền cản trở.

+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

+ Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu

+ Về án phí: Chị Trần Thị Đ phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về Thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Đ có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con với anh Phạm Văn L, anh L có địa chỉ cư trú tại huyện Phước Long. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh BL. Anh Phạm Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt chị Đ, anh L là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Đ và anh Phạm Văn L sống chung từ năm 2005 và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Đ, anh L là hợp pháp, tuy nhiên trong quá trình sống chung chị Đ, anh L xảy ra mâu thuẫn, đã sống ly thân nhau. Xét thấy, theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình, sống chung với nhau nhưng chị Đ, anh L đã sống ly thân, không ai quan tâm vun vén hạnh phúc gia đình. Từ khi sống ly thân đến nay, hai bên không có biện pháp nào để hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa chị Trần Thị Đ và anh Phạm Văn L lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đ, cho chị Đly hôn với anh L.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 người con chung là Phạm Quốc Th, sinh ngày 31/03/2012 và Phạm Thị Lệ Tr, sinh ngày 15/02/2007, hiện nay cả 02 cháu đang sống chung với chị Đ, khi ly hôn chị Đ có yêu cầu được nuôi con. Xét yêu cầu nuôi con chung của chị Đ thấy rằng

Theo khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*. Hội đồng xét xử xét thấy, qua tiếp xúc cháu Phạm Quốc Th, sinh ngày 31/03/2012 và Phạm Thị Lệ Tr, sinh ngày 15/02/2007 thì cả 02 cháu có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với chị Đ. Từ lúc sống ly thân đến nay, cháu Th, cháu Tr đều do chị Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, được ăn học và tâm sinh lý phát triển tốt. Nhằm đảm bảo không làm xáo trộn đời sống của cháu và chị Đ có nguyện vọng

được trực tiếp nuôi con là phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con cho chị Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét giải quyết

[5] Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Trần Thị Đ phải chịu 300.000 đồng, chị Đ đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng được chuyển thu án phí.

Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Đ, cho chị Trần Thị Đ ly hôn với anh Phạm Văn L

- *Về con chung:* Giao cháu Phạm Quốc Th, sinh ngày 31/03/2012 và Phạm Thị Lệ Tr, sinh ngày 15/02/2007 cho chị Trần Thị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định pháp luật.

Sau khi ly hôn anh L có, quyền và nghĩa vụ thăm mon con chung không ai được quyền cản trở.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu

- *Về tài sản chung*: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu

- *Về án phí*: Chị Trần Thị Đ chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), chị Đ đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0005438 ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PL được chuyển thu án phí.

- *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện PL;
- THADS huyện PL;
- TAND tỉnh BL;
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã Hưng Phú;
- Lưu: Hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Thanh Liêm